# DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐỢT 3 - NĂM 2022

| TT | Đơn vị | QĐ | Ngày ký | MSSV | Họ tên | Ngày sinh | Nữ | Lớp | Tên ngành |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1306120 | Trần Gia Bảo | 15/08/1995 | | TN13Y8A2 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 2 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1306122 | Huỳnh Phú Châu | 12/10/1993 | | TN13Y8A1 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 3 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1407708 | Danh Thị Khả Duy | 27/11/1996 | N | TN1483A1 | Quản lý công nghiệp |
| 4 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1408481 | Dương Tấn Phát | 10/12/1996 | | TN14Y5A2 | Kỹ thuật điện tử, truyền thông |
| 5 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1408618 | Lê Chí Bảo | 08/12/1996 | | TN14Y8A1 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 6 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1503530 | Nguyễn Thái Duy | 08/03/1997 | | TN1562A2 | Kỹ thuật công trình xây dựng |
| 7 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1503987 | Nguyễn Thành Trung | 20/02/1991 | | TN1584A2 | Kỹ thuật cơ khí |
| 8 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1509756 | Nguyễn Kiều Oanh | 29/03/1997 | N | TN15Z5A1 | Kỹ thuật máy tính |
| 9 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1509817 | Lê Tuấn Nguyễn | 04/05/1997 | | TN15Z5A2 | Kỹ thuật máy tính |
| 10 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1509842 | Huỳnh Nhật Trường | 09/04/1997 | | TN15Z5A2 | Kỹ thuật máy tính |
| 11 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1602807 | Đoàn Tấn Phát | 23/08/1997 | | TN1662A2 | Kỹ thuật công trình xây dựng |
| 12 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1602841 | Nguyễn Khánh Vĩ | 04/04/1997 | | TN1662A2 | Kỹ thuật công trình xây dựng |
| 13 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1603265 | Bùi Hữu Ý | 19/06/1997 | | TN1684A1 | Kỹ thuật cơ khí |
| 14 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1603310 | Lê Thanh Le | 09/05/1998 | | TN1693A1 | Kỹ thuật cơ khí |
| 15 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1606730 | Huỳnh Kim Ngân | 16/07/1998 | N | TN16V6A2 | Công nghệ kỹ thuật hóa học |
| 16 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1609323 | Ngô Duy Minh | 25/05/1998 | | TN16Y6A2 | Kỹ thuật cơ - điện tử |
| 17 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1609448 | Nguyễn Ngọc Đỉnh | 25/02/1998 | | TN16Y8A2 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 18 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1609634 | Nguyễn Hoàng Giang | 15/12/1998 | | TN16Z5A1 | Kỹ thuật máy tính |
| 19 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1610519 | Mai Trung Tín | 28/02/1998 | | TN16T1A1 | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông |
| 20 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1703043 | Nguyễn Lê Long Ấn | 31/07/1999 | | TN1761A1 | Kỹ thuật điện, điện tử |
| 21 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1703072 | Trần Hoàng Quốc Khánh | 19/12/1999 | | TN1761A1 | Kỹ thuật điện, điện tử |
| 22 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1703082 | Lê Chí Linh | 15/07/1997 | | TN1761A1 | Kỹ thuật điện, điện tử |
| 23 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1703083 | Nguyễn Hoàng Long | 28/08/1999 | | TN1761A1 | Kỹ thuật điện, điện tử |
| 24 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1703114 | Võ Kỳ Thiên | 20/08/1999 | | TN1761A3 | Kỹ thuật điện, điện tử |
| 25 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1703116 | Phạm Ngô Phúc Thịnh | 19/09/1999 | | TN1761A1 | Kỹ thuật điện, điện tử |
| 26 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1703129 | Thạch Ngọc Tuấn | 01/01/1999 | | TN1761A1 | Kỹ thuật điện, điện tử |
| 27 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1703148 | Phạm Tấn Đạt | 14/12/1999 | | TN1761A2 | Kỹ thuật điện, điện tử |
| 28 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1703194 | Lý Nhứt Phú | 19/05/1999 | | TN1761A3 | Kỹ thuật điện, điện tử |
| 29 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1703195 | Trần Minh Phú | 27/01/1998 | | TN1761A2 | Kỹ thuật điện, điện tử |
| 30 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1703197 | Nguyễn Minh Quang | 12/08/1999 | | TN1761A2 | Kỹ thuật điện, điện tử |
| 31 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1703223 | Phan Phước Trường | 20/04/1999 | | TN1761A2 | Kỹ thuật điện, điện tử |
| 32 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1703224 | Lâm Thanh Tuấn | 05/04/1999 | | TN1761A2 | Kỹ thuật điện, điện tử |

| TT | Đơn vị | QĐ | Ngày ký | MSSV | Họ tên | Ngày sinh | Nữ | Lớp | Tên ngành |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 33 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1704284 | Lâm Tuyết Ly | 01/01/1999 | N | TN1783A2 | Quản lý công nghiệp |
| 34 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1704985 | Huỳnh Đặng Phước Hiệp | 10/06/1999 | | TN17T2A1 | Kỹ thuật công trình xây dựng |
| 35 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1705047 | Lâm Xờ Thol | 28/04/1998 | | TN17T2A3 | Kỹ thuật công trình xây dựng |
| 36 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1706296 | Nguyễn Quốc Khánh | 30/10/1999 | | TN17V6A1 | Công nghệ kỹ thuật hóa học |
| 37 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1706330 | Cao Tấn Tài | 15/06/1999 | | TN17V6A1 | Công nghệ kỹ thuật hóa học |
| 38 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1706412 | Nguyễn Chí Tài | 17/11/1999 | | TN17V6A2 | Công nghệ kỹ thuật hóa học |
| 39 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1708881 | Mai Đức Khánh | 19/08/1999 | | TN17Y5A1 | Kỹ thuật điện tử, truyền thông |
| 40 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1708943 | Tô Thiệu Huy | 04/08/1999 | | TN17Y5A2 | Kỹ thuật điện tử, truyền thông |
| 41 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1709123 | Nguyễn Minh Trí | 04/11/1999 | | TN17Y6A2 | Kỹ thuật cơ - điện tử |
| 42 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1709147 | Đinh Nguyên Hưng | 30/01/1998 | | TN17Y8A1 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 43 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1709161 | Nguyễn Hoàng Lộc | 29/11/1999 | | TN17Y8A1 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 44 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1709184 | Trần Tấn Thọ | 03/12/1999 | | TN17Y8A1 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 45 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1709196 | Trần Tuấn Vỹ | 02/12/1999 | | TN17Y8A1 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 46 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1709222 | Dương Tấn Kiệt | 26/02/1999 | | TN17Y8A2 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 47 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1709229 | Thái Ngọc Lợi | 26/03/1999 | | TN17Y8A2 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 48 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1709394 | Nguyễn Quốc Đạt | 25/06/1999 | | TN17Z5A1 | Kỹ thuật máy tính |
| 49 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1709501 | Đoàn Thanh Như | 19/09/1999 | | TN17Z5A2 | Kỹ thuật máy tính |
| 50 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1709519 | Nguyễn Thanh Tú | 10/07/1999 | | TN17Z5A2 | Kỹ thuật máy tính |
| 51 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1709522 | Phan Hoàng Phương Vinh | 01/05/1999 | | TN17Z5A2 | Kỹ thuật máy tính |
| 52 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1803237 | Nguyễn Hữu Đăng | 31/07/2000 | | TN1893A1 | Kỹ thuật cơ khí |
| 53 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1803258 | Lê Tấn Khanh | 27/07/2000 | | TN1884A1 | Kỹ thuật cơ khí |
| 54 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1803345 | Đặng Võ Trường Vũ | 26/08/2000 | | TN1893A1 | Kỹ thuật cơ khí |
| 55 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1803383 | Nguyễn Văn Hũ | 26/05/1999 | | TN1893A2 | Kỹ thuật cơ khí |
| 56 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1803444 | Nguyễn Quốc Thanh | 11/10/2000 | | TN1884A2 | Kỹ thuật cơ khí |
| 57 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1803454 | Ngô Lâm Thời | 12/07/2000 | | TN1884A2 | Kỹ thuật cơ khí |
| 58 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1803473 | Nguyễn Quan Vinh | 16/04/2000 | | TN1884A2 | Kỹ thuật cơ khí |
| 59 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1803478 | Huỳnh Gia Bảo | 28/06/2000 | | TN1893A1 | Kỹ thuật cơ khí |
| 60 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1803498 | Nguyễn Văn Tám Em | 09/11/1999 | | TN1893A2 | Kỹ thuật cơ khí |
| 61 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1803564 | Phạm Hoàng Phúc | 20/10/2000 | | TN1884A3 | Kỹ thuật cơ khí |
| 62 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1803569 | Đặng Đức Tài | 25/09/2000 | | TN1893A1 | Kỹ thuật cơ khí |
| 63 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1805109 | Nguyễn Thị Mỹ Duyên | 06/01/2000 | N | TN1883A1 | Quản lý công nghiệp |
| 64 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1805134 | Trần Tấn Lợi | 15/03/2000 | | TN1883A1 | Quản lý công nghiệp |
| 65 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1805138 | Lê Minh Mẫn | 18/01/2000 | | TN1883A1 | Quản lý công nghiệp |
| 66 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1805158 | Trương Thị Kiều Oanh | 24/05/2000 | N | TN1883A1 | Quản lý công nghiệp |

| TT | Đơn vị | QĐ | Ngày ký | MSSV | Họ tên | Ngày sinh | Nữ | Lớp | Tên ngành |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 67 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1805184 | Trương Thị Quế Trân | 14/02/2000 | N | TN1883A3 | Quản lý công nghiệp |
| 68 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1805203 | Đỗ Thị Bông | 09/01/2000 | N | TN1883A3 | Quản lý công nghiệp |
| 69 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1805204 | Ngô Thị Minh Châu | 01/11/2000 | N | TN1883A3 | Quản lý công nghiệp |
| 70 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1805249 | Trần Thị Yến Ngọc | 16/03/2000 | N | TN1883A2 | Quản lý công nghiệp |
| 71 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1805256 | Nguyễn Thị Cẩm Như | 27/06/2000 | N | TN1883A2 | Quản lý công nghiệp |
| 72 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1806228 | Quang Tiểu Bảo | 10/01/2000 | | TN18S3A1 | Kỹ thuật cơ điện tử |
| 73 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1806254 | Trần Hiếu Huy | 29/03/2000 | | TN18S3A1 | Kỹ thuật cơ điện tử |
| 74 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1806277 | Hà Lê Ngoan | 13/05/2000 | | TN18S3A1 | Kỹ thuật cơ điện tử |
| 75 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1806280 | Nguyễn Trương Hiền Nhân | 12/08/2000 | | TN18S3A1 | Kỹ thuật cơ điện tử |
| 76 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1806308 | Nguyễn Quốc Trương | 07/12/2000 | | TN18S3A3 | Kỹ thuật cơ điện tử |
| 77 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1806313 | Lê Triệu Vỹ | 27/02/2000 | | TN18S3A3 | Kỹ thuật cơ điện tử |
| 78 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1806325 | Phạm Lê Hữu Đan | 25/05/2000 | | TN18S3A3 | Kỹ thuật cơ điện tử |
| 79 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1806336 | Võ Văn Hậu | 26/02/2000 | | TN18S3A3 | Kỹ thuật cơ điện tử |
| 80 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1806342 | Nguyễn Văn Huy | 09/04/2000 | | TN18S3A2 | Kỹ thuật cơ điện tử |
| 81 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1806345 | Lý Trọng Khang | 12/06/2000 | | TN18S3A2 | Kỹ thuật cơ điện tử |
| 82 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1806355 | Nguyễn Hoài Linh | 08/04/2000 | | TN18S3A2 | Kỹ thuật cơ điện tử |
| 83 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1806367 | Nguyễn Khắc Nguyên | 01/01/2000 | | TN18S3A2 | Kỹ thuật cơ điện tử |
| 84 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1806370 | Trịnh Nguyễn Minh Nhựt | 20/10/2000 | | TN18S3A2 | Kỹ thuật cơ điện tử |
| 85 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1806372 | Trần Nhựt Phong | 14/08/2000 | | TN18S3A2 | Kỹ thuật cơ điện tử |
| 86 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1806382 | Đỗ Quang Tân | 10/09/2000 | | TN18S3A2 | Kỹ thuật cơ điện tử |
| 87 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1806386 | Võ Công Thành | 13/12/2000 | | TN18S3A2 | Kỹ thuật cơ điện tử |
| 88 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1806398 | Võ Hoàng Anh Tuấn | 09/11/2000 | | TN18S3A2 | Kỹ thuật cơ điện tử |
| 89 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1806631 | Lê Vĩnh Khang | 06/06/2000 | | TN18T4A1 | Kỹ thuật vật liệu |
| 90 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1806649 | Lê Huỳnh Như | 19/11/2000 | N | TN18T4A1 | Kỹ thuật vật liệu |
| 91 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1806761 | Lê Tuyền Tiến | 01/02/2000 | | TN18T5A1 | Kỹ thuật điện |
| 92 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1806767 | Lê Trọng Trí | 16/07/2000 | | TN18T5A1 | Kỹ thuật điện |
| 93 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1806768 | Văn Đắc Trung | 13/07/1994 | | TN18T5A1 | Kỹ thuật điện |
| 94 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1806775 | Trần Lâm Vinh | 09/09/2000 | | TN18T5A1 | Kỹ thuật điện |
| 95 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1806809 | Nguyễn Nhĩ Khang | 17/07/2000 | | TN18T5A2 | Kỹ thuật điện |
| 96 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1806917 | Nguyễn Quang Khải | 10/08/2000 | | TN18T6A1 | Kỹ thuật điện tử - viễn thông |
| 97 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1806928 | Huỳnh Hồng Ngọc | 07/11/2000 | N | TN18T6A1 | Kỹ thuật điện tử - viễn thông |
| 98 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1806939 | Nguyễn Hồng Sơn | 11/01/2000 | | TN18T6A1 | Kỹ thuật điện tử - viễn thông |
| 99 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1806948 | Lê Đan Thuần | 27/10/2000 | | TN18T6A3 | Kỹ thuật điện tử - viễn thông |
| 100 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1807004 | Hà Hà Nhi | 22/04/2000 | N | TN18T6A2 | Kỹ thuật điện tử - viễn thông |

| TT | Đơn vị | QĐ | Ngày ký | MSSV | Họ tên | Ngày sinh | Nữ | Lớp | Tên ngành |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 101 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1807005 | Nguyễn Anh Nhựt | 28/01/2000 | | TN18T6A2 | Kỹ thuật điện tử - viễn thông |
| 102 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1807047 | Nguyễn Hoàng Cơ | 02/06/2000 | | TN18T7A1 | Kỹ thuật xây dựng |
| 103 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1807052 | Nguyễn Văn Duy | 21/09/2000 | | TN18T7A3 | Kỹ thuật xây dựng |
| 104 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1807079 | Trần Thái Học | 19/11/2000 | | TN18T7A1 | Kỹ thuật xây dựng |
| 105 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1807088 | Nguyễn Mạnh Hùng | 19/04/2000 | | TN18T7A3 | Kỹ thuật xây dựng |
| 106 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1807095 | Lương Quốc Khang | 18/08/2000 | | TN18T7A1 | Kỹ thuật xây dựng |
| 107 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1807098 | Trần Hoàng Khang | 29/11/2000 | | TN18T7A3 | Kỹ thuật xây dựng |
| 108 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1807127 | Lê Phước Lợi | 13/08/2000 | | TN18T7A3 | Kỹ thuật xây dựng |
| 109 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1807129 | Nguyễn Văn Luận | 08/03/2000 | | TN18T7A1 | Kỹ thuật xây dựng |
| 110 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1807131 | Nguyễn Trung Mến | 21/08/2000 | | TN18T7A3 | Kỹ thuật xây dựng |
| 111 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1807133 | Mai Hoàng Minh | 26/07/2000 | | TN18T7A3 | Kỹ thuật xây dựng |
| 112 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1807174 | Võ Thành Tâm | 01/11/2000 | | TN18T7A1 | Kỹ thuật xây dựng |
| 113 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1807188 | Trương Đức Thuận | 29/10/2000 | | TN18T7A3 | Kỹ thuật xây dựng |
| 114 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1807211 | Trần Phú Vinh | 05/10/2000 | | TN18T7A1 | Kỹ thuật xây dựng |
| 115 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1807218 | Huỳnh Văn Tuấn Anh | 29/08/2000 | | TN18T7A2 | Kỹ thuật xây dựng |
| 116 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1807230 | Nguyễn Tiến Công | 06/12/2000 | | TN18T7A4 | Kỹ thuật xây dựng |
| 117 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1807250 | Đinh Huỳnh Đức | 22/02/2000 | | TN18T7A2 | Kỹ thuật xây dựng |
| 118 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1807259 | La Quốc Hiệp | 02/03/2000 | | TN18T7A2 | Kỹ thuật xây dựng |
| 119 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1807299 | Lâm Thị Trúc Linh | 15/03/2000 | N | TN18T7A4 | Kỹ thuật xây dựng |
| 120 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1807325 | Võ Kim Ngọc | 10/02/2000 | N | TN18T7A2 | Kỹ thuật xây dựng |
| 121 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1807335 | Nguyễn Thanh Nhựt | 13/04/2000 | | TN18T7A2 | Kỹ thuật xây dựng |
| 122 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1807340 | Nguyễn Văn Thanh Phong | 27/01/2000 | | TN18T7A2 | Kỹ thuật xây dựng |
| 123 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1807351 | Nguyễn Phú Quý | 25/12/2000 | | TN18T7A2 | Kỹ thuật xây dựng |
| 124 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1807384 | Lưu Quang Trọng | 23/10/2000 | | TN18T7A2 | Kỹ thuật xây dựng |
| 125 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1808896 | Lâm Nguyễn Đức An | 07/06/2000 | | TN18V6A1 | Công nghệ kỹ thuật hóa học |
| 126 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1808917 | Nguyễn Minh Hậu | 18/06/2000 | | TN18V6A1 | Công nghệ kỹ thuật hóa học |
| 127 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1808922 | Hồ Thị Thúy Huỳnh | 16/09/2000 | N | TN18V6A1 | Công nghệ kỹ thuật hóa học |
| 128 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1808937 | Dương Thị Thảo Ngân | 24/06/2000 | N | TN18V6A1 | Công nghệ kỹ thuật hóa học |
| 129 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1808949 | Trần Phạm Thanh Nhã | 26/08/2000 | | TN18V6A1 | Công nghệ kỹ thuật hóa học |
| 130 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1808956 | Nguyễn Mai Hoàng Oanh | 03/01/2000 | N | TN18V6A1 | Công nghệ kỹ thuật hóa học |
| 131 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1808963 | Lâm Hoàng Quý | 12/06/2000 | | TN18V6A1 | Công nghệ kỹ thuật hóa học |
| 132 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1808971 | Nguyễn Chí Thình | 10/10/2000 | | TN18V6A1 | Công nghệ kỹ thuật hóa học |
| 133 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1808978 | Nguyễn Thủy Tiên | 04/11/2000 | N | TN18V6A1 | Công nghệ kỹ thuật hóa học |
| 134 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1808981 | Lê Thanh Tịnh | 01/04/2000 | | TN18V6A1 | Công nghệ kỹ thuật hóa học |

| TT | Đơn vị | QĐ | Ngày ký | MSSV | Họ tên | Ngày sinh | Nữ | Lớp | Tên ngành |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 135 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1808997 | Nguyễn Thị Hoàng Anh | 22/05/2000 | N | TN18V6A2 | Công nghệ kỹ thuật hóa học |
| 136 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1809006 | Nguyễn Thị Ngọc Dung | 04/10/2000 | N | TN18V6A2 | Công nghệ kỹ thuật hóa học |
| 137 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1809028 | Huỳnh Ngọc Lăm | 23/08/2000 | N | TN18V6A2 | Công nghệ kỹ thuật hóa học |
| 138 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1809042 | Dương Thị Mộng Nghi | 09/03/2000 | N | TN18V6A2 | Công nghệ kỹ thuật hóa học |
| 139 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1809049 | Lâm Xuân Nhạt | 15/09/2000 | N | TN18V6A2 | Công nghệ kỹ thuật hóa học |
| 140 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1811928 | Nguyễn Tấn Đạt | 25/11/2000 | | TN18Y8A1 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 141 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1811932 | Thạch Văn Tố Em | 27/04/2000 | | TN18Y8A1 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 142 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1811936 | Lê Chí Hiển | 27/12/2000 | | TN18Y8A1 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 143 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1811938 | Lại Minh Huy | 23/09/2000 | | TN18Y8A1 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 144 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1811947 | Nguyễn Minh Khải | 07/05/2000 | | TN18Y8A1 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 145 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1811962 | Nguyễn Đức Mạnh | 12/01/2000 | | TN18Y8A1 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 146 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1811974 | Võ Tấn Phát | 30/11/2000 | | TN18Y8A1 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 147 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1811975 | Mai Hồng Phúc | 16/10/2000 | | TN18Y8A1 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 148 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1811980 | Nguyễn Duy Tân | 26/12/2000 | | TN18Y8A3 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 149 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1811991 | Nguyễn Thị Mộng Thuy | 07/11/2000 | N | TN18Y8A3 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 150 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1811993 | Nguyễn Thị Thanh Tiền | 21/07/2000 | N | TN18Y8A3 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 151 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1812012 | Huỳnh Ngọc Trọng Ân | 16/09/2000 | | TN18Y8A3 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 152 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1812016 | Phan Hồng Chương | 09/09/2000 | | TN18Y8A3 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 153 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1812017 | Trần Đạt Của | 22/05/2000 | | TN18Y8A3 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 154 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1812020 | Nguyễn Vũ Tuấn Duy | 10/11/2000 | | TN18Y8A3 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 155 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1812031 | Phạm Thanh Hậu | 24/10/2000 | | TN18Y8A3 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 156 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1812034 | Bùi Quốc Huy | 18/04/2000 | | TN18Y8A3 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 157 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1812041 | Phan Hoàng Khang | 01/12/2000 | | TN18Y8A3 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 158 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1812043 | Lưu Việt Khánh | 20/06/2000 | | TN18Y8A2 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 159 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1812050 | Nguyễn Hoài Linh | 02/02/2000 | | TN18Y8A2 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 160 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1812076 | La Nhật Tân | 24/09/2000 | | TN18Y8A2 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 161 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1812078 | Phạm Ngọc Thanh | 02/04/2000 | | TN18Y8A2 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 162 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1812108 | Trương Trọng Anh | 20/06/2000 | | TN18Z5A1 | Kỹ thuật máy tính |
| 163 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1812117 | Lê Phước Dinh | 06/01/2000 | | TN18Z5A1 | Kỹ thuật máy tính |
| 164 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1812121 | Phạm Thanh Duy | 12/01/2000 | | TN18Z5A1 | Kỹ thuật máy tính |
| 165 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1812122 | Phù Ngọc Dương | 11/09/1999 | N | TN18Z5A1 | Kỹ thuật máy tính |
| 166 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1812126 | Lê Hoàng Đức | 28/08/1999 | | TN18Z5A1 | Kỹ thuật máy tính |
| 167 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1812171 | Lê Đức Thọ | 27/06/2000 | | TN18Z5A1 | Kỹ thuật máy tính |
| 168 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1812207 | Nguyễn Việt Hưng | 16/09/2000 | | TN18Z5A2 | Kỹ thuật máy tính |

| TT | Đơn vị | QĐ | Ngày ký | MSSV | Họ tên | Ngày sinh | Nữ | Lớp | Tên ngành |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 169 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1812210 | Hà Văn Khanh | 13/05/2000 | | TN18Z5A2 | Kỹ thuật máy tính |
| 170 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1812234 | Trần Huệ Sương | 24/03/2000 | N | TN18Z5A2 | Kỹ thuật máy tính |
| 171 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1812520 | Trần Duy Khánh | 31/12/1997 | | TN18S3A3 | Kỹ thuật cơ điện tử |
| 172 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1812706 | Nguyễn Tấn Đạt | 19/10/2000 | | TN18T6A3 | Kỹ thuật điện tử - viễn thông |
| 173 | TN | 3445 | 26/8/2022 | B1812719 | Đặng Thị Ngọc Thảo | 01/07/2000 | N | TN18T6A3 | Kỹ thuật điện tử - viễn thông |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ**